

Ngày soạn: 24/09/2024	Dạy	Ngày	16/10/2024
		Tiết	4
		Lớp	9D

**TUẦN 6-TIẾT 21: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:
ĐIỂN CỔ, ĐIỂN TÍCH**
(Thời gian thực hiện: 02 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hiểu được cách diễn giải khái niệm điển tích, điển cố ở SGK, nhận biết các nguồn điển tích, điển cố thường được sử dụng.
- Biết cách nhận ra điển tích, điển cố trong các VB, biết cách tìm hiểu, tra cứu để hiểu được ý nghĩa của điển tích, điển cố ở từng trường hợp cụ thể; thấy được tác dụng cũng như giới hạn của việc sử dụng điển tích, điển cố trong văn học.

2. Năng lực

Năng lực chung

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học*: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

Năng lực đặc thù

- Năng lực giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, có ý thức tự học và hoàn thành bài tập đầy đủ, vận dụng kiến thức tạo lập văn bản.
- Yêu quý tiếng Việt, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. *Mục tiêu:* Khai thác kiến thức nền, tạo hứng thú, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập; kết nối với nội dung thực hành.

b. *Nội dung:* GV sử dụng PP và kỹ thuật trò chơi để định hướng vào nội dung kiến thức tiếng Việt.

c. *Sản phẩm:* tên các điển cố, điển tích

d. *Tổ chức thực hiện*

- GV yêu cầu HS quan sát ô chữ (hàng dọc hoặc hàng ngang), trong vòng 2 phút tìm các điển tích, điển cố ghi vào giấy note theo hình thức cặp đôi.

ĐIỂN TÍCH, ĐIỂN CỐ

Giường kia/ Triệu Tử/ Đương Dang/ non yên/ buổi dương cửu

N	Y	R	E	U	B	N	M	D	T	T	I
O	G	H	U	N	C	U	Ô	I	T	R	Q
N	T	Â	G	I	Ư	Ơ	N	G	K	I	A
Y	B	H	S	K	L	A	S	R	V	Ê	B
Ê	G	T	R	N	M	U	I	T	Ô	U	Y
N	B	T	T	U	Ô	A	Ơ	N	D	T	R
T	D	Ư	C	A	I	N	D	Y	R	Ư	V
H	E	Đ	Ư	Ơ	N	G	D	A	N	G	L
D	G	Ê	T	K	L	A	R	B	X	Ă	T
B	U	Ô	I	D	Ư	Ơ	N	G	C	Ư	U

- HS thực hiện nhiệm vụ, tìm các điển tích, điển cố ghi vào giấy note; GV quan sát và xử lý tình huống (nếu có).

- GV yêu cầu 1 nhóm HS tổng hợp các điển tích, điển cố đã tìm được trong ô chữ; HS nhóm khác lắng nghe, bổ sung.

- GV khen ngợi tinh thần tham gia trò chơi, chiếu ô chữ (đáp án); tổng kết và tuyên dương các nhóm tìm được nhiều điển tích, điển cố trong ô chữ và kết nối vào bài học.

(Ví dụ: Các em vừa được tham gia trò chơi ô chữ tìm các điển tích, điển cố đã xuất hiện trong các văn bản đã học. Việc sử dụng điển cố, điển tích không những phổ biến trong văn học mà còn cả trong cuộc sống hàng ngày. Để làm quen và hiểu nghĩa của một số điển cố, điển tích, cô trò chúng ta sẽ cùng nhau thực hiện các nhiệm vụ trong phần Thực hành).

2. Hoạt động 2: Thực hành

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được một số điển cố, điển tích được dùng trong các tác phẩm văn thơ trung đại Việt Nam.

- Giải thích được nguồn gốc và ý nghĩa của một số điển cố, điển tích cụ thể.

b. Nội dung: GV sử dụng PPDH dạy học đàm thoại gợi mở, hợp tác, kỹ thuật dạy học chia nhóm, động não, hướng dẫn HS hoàn thành các bài tập.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

Cách thức tổ chức HĐ		Dự kiến sản phẩm
<p><i>HĐ1: GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập 1</i></p> <p>Bước 1. Chuyển giao NV</p> <p>GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu bài tập 1. Ghép các điển cố, điển tích (in đậm) ở bên A với nguồn gốc và nghĩa nêu ở bên B</p>		<p>1. Bài tập 1</p> <p>1-d, 2-a, 3-b, 4-c</p>
A. Điển cố, điển tích	B. Nguồn gốc và nghĩa	
a) <i>Giường kia treo cũng hững hờ</i> , (Nguyễn Khuyến)	1) Điển tích, lấy từ chuyện xưa bên Trung Quốc: “Vua Hán Vũ Đế kén phò mã, cho công chúa ngồi trên lầu ném quả cầu xuống, ai cướp được thì được làm phò mã”. Câu thơ mượn chuyện này để ngụ ý: Cha mẹ Thuý Kiều mong muốn gả con vào nơi xứng đáng.	

<p>b) <i>Đàn kia gảy cũng ngân ngơ tiếng đàn.</i> (Nguyễn Khuyến)</p>	<p>2) Điển tích, dẫn theo chuyện xưa: Trần Phồn thời hậu Hán (Trung Quốc) sắm chiếc giường dành riêng cho người bạn thân là Từ Trĩ. Khi bạn đến chơi thì mang ông xuống, khi bạn về thì lại treo cất đi.</p>	
<p>c) <i>Một hai nghiêng nước nghiêng thành, / Sắc đành đòi một tài đành họa hại</i> (Nguyễn Du)</p>	<p>3) Điển tích, lấy từ chuyện xưa: "Tương truyền Bá Nha và Chung Tử Kỳ là hai người bạn tri âm, sống vào thời Xuân Thu, Chiến Quốc (Trung Quốc xưa). Bá Nha chơi đàn giỏi. Tử Kỳ nghe tiếng đàn của Bà Nha mà như hiểu thấu tâm can của bạn. Sau khi Tử Kỳ chết, Bá Nha đập bỏ đàn vì cho rằng trên đời không còn ai hiểu được tiếng đàn của mình nữa".</p>	
<p>d) <i>Nuôi con những ước về sau/Trao tơ phải lúa, gieo cầu đáng nơi.</i> (Nguyễn Du)</p>	<p>4) Điển cố, lấy từ bài ca của Lý Diên Niên (Trung Quốc): Nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc (Ngoảnh lại một cái làm xiêu thành trì của người, ngoảnh lại cái nữa làm xiêu nước người). Câu thơ mượn từ ngữ của bài thơ xưa để diễn tả về đẹp của Thúy Kiều.</p>	

Bước 2. Thực hiện NV

- HS HĐ cá nhân thực hiện nhiệm vụ giáo viên giao.
- GV gọi 1 HS lên ghép phương án đúng; HS khác quan sát, bổ sung (nếu có).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả

- GV đưa ra đáp án, nhận xét về tinh thần học tập; khắc sâu kĩ năng phân biệt điển cố, điển tích, cách xác định nguồn gốc và nghĩa của các điển cố, điển tích đã cho phù hợp văn cảnh và yêu cầu HS nhắc lại khái niệm điển cố, điển tích:

<p>+ <i>Điển cố là những câu chữ trong sách đời trước được dẫn lại một cách súc tích.</i></p> <p>+ <i>Điển tích là những câu chuyện trong sách đời trước được dẫn lại một cách cô đúc trong văn thơ.</i></p> <p>+ <i>Điển cố và điển tích đôi khi phân biệt khó, nên có ý kiến nhập hai khái niệm vào một.</i></p>													
<p>* <i>HD2: GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập 2</i></p> <p>Bước 1. Chuyển giao NV</p> <p>- GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu bài tập 2: dựa vào chú thích trong <i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Du, giải thích nguồn gốc và ý nghĩa của các điển cố, điển tích <i>bể dâu, mắt xanh</i>; phát PHT số 1, yêu cầu HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành các yêu cầu trên PHT.</p> <table border="1" data-bbox="146 997 787 1302"> <thead> <tr> <th colspan="3">PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1</th> </tr> <tr> <th>Điển tích, điển cố</th> <th>Nguồn gốc</th> <th>Ý nghĩa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><i>bể dâu</i></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td><i>mắt xanh</i></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>Bước 2. Thực hiện NV</p> <p>- HS hoàn thiện nhiệm vụ vào PHT.</p> <p>- GV yêu cầu các nhóm trao đổi chéo PHT để nhận xét, bổ sung cho nhau. Gọi đại diện một nhóm HS trình bày sản phẩm; các nhóm khác quan sát, nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động</p> <p>- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.</p> <p>- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p>	PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1			Điển tích, điển cố	Nguồn gốc	Ý nghĩa	<i>bể dâu</i>			<i>mắt xanh</i>			<p>2. Bài tập 2</p>
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1													
Điển tích, điển cố	Nguồn gốc	Ý nghĩa											
<i>bể dâu</i>													
<i>mắt xanh</i>													

- GV nhận xét, chốt đáp án, khắc sâu kỹ năng giải thích nguồn gốc và ý nghĩa của điển cố, điển tích.		
* Dự kiến sản phẩm		
Điển tích, điển cố	Nguồn gốc	Ý nghĩa
<i>bể dâu</i>	<i>Bể dâu</i> là điển cố, lấy ý từ <i>Thần tiên truyện</i> bên Trung Quốc: <i>Bể rộng hoá ra nương dâu</i> . (Thương hải biến vi tang điền)	Hình ảnh chỉ sự thay đổi, sự biến chuyển to lớn, nhanh chóng ngay trước mắt ta.
<i>mắt xanh</i>	<i>Mắt xanh</i> là điển tích, lấy từ chuyện xưa bên Trung Quốc: “Nguyễn Tịch đời nhà Tấn, khi tiếp khách, thấy ai là người đáng trọng thì nhìn bằng <i>mắt xanh</i> (mắt có tròng đen), ai là người đáng khinh thì nhìn bằng <i>mắt trắng</i> (mắt có tròng trắng).”.	Ở câu thơ của Nguyễn Du, điển tích <i>mắt xanh</i> được Từ Hải dùng để ca ngợi con mắt (cách nhìn) người tinh tường, sắc sảo của Thuý Kiều.

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. *Mục tiêu*: Biết vận dụng sự hiểu biết về điển cố, điển tích vào hoạt động tiếp nhận và tạo lập văn bản đề nâng cao hiệu quả giao tiếp.

b. *Nội dung*: GV sử dụng PPDH dạy học đàm thoại gợi mở, hợp tác, nêu vấn đề yêu cầu HS thực hành tìm trong sách, báo (hoặc trên Internet) câu chuyện “Tái Ông thất mã” (Tái Ông mất ngựa); viết đoạn văn (khoảng 10 đến 12 dòng) kể lại chuyện đó và nêu ý nghĩa của điển tích “ngựa Tái Ông”.

c. *Sản phẩm*: câu trả lời của HS

d. *Tổ chức thực hiện*

Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao NV</p> <p>* GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập 3</p>	<p>Ví dụ minh họa:</p> <p>“Ở Trung Quốc xưa có một ông lão mất một con ngựa. Người ta đến</p>

- GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu bài tập, làm việc nhóm 4 thực hiện yêu cầu 1 và làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu 2.

Nội dung	Dự kiến
1. Nội dung câu chuyện Tái Ông thất mã”	
2. Viết đoạn văn (khoảng 10 đến 12 dòng) kể lại chuyện và nêu ý nghĩa của điển tích “ngựa Tái Ông”.	- Mở đoạn:
	- Thân đoạn:
	- Kết đoạn:

Bước 2. Thực hiện NV

- HS hoạt động nhóm 4 chia sẻ câu chuyện theo yêu cầu 1; sau đó làm việc cá nhân tạo lập đoạn văn theo yêu cầu 2.

- GV gọi 2 – 3 HS chiếu và trình bày đoạn văn; HS khác lắng nghe, nhận xét; đánh giá đoạn văn theo bảng kiểm:

BẢNG KIỂM			
Đoạn văn kể lại nội dung và nêu ý nghĩa của điển tích “Ngựa Tái Ông”			
Yêu cầu	Đạt	Chưa đạt	Dự kiến chỉnh sửa
1. Đảm bảo hình thức đoạn văn (từ 10 đến 12 dòng)			
2. Nội dung: kể lại chuyện và nêu ý nghĩa của			

chia buồn, ông bảo: “Chưa chắc đã là điều không hay.”. Ít lâu sau, con ngựa trở về, lại dắt theo một con ngựa khác. Người ta đến mừng, ông bảo: “Chưa chắc đã là điều hay.”. Quả nhiên, con trai ông tập phi ngựa bị ngã què chân. Người ta lại đến hỏi thăm, ông bảo: “Chưa chắc đã là điều bất hạnh.”. Một thời gian sau có chiến tranh, thanh niên trai tráng phải ra trận, riêng con ông được ở nhà vì què chân. Từ câu chuyện này mà có điển tích “ngựa Tái Ông” chỉ họa phúc, được mát ở đời là điều khôn lường. Câu chuyện cũng ngầm khuyên mọi người khi gặp điều may không nên quá mừng, khi gặp rủi ro, cũng không nên quá lo buồn.”.

(Sách giáo viên - Cánh diều)

điền tích “ngựa Tái Ông”:			
2.1. Mở đoạn			
2.2. Thân đoạn			
2.3. Kết đoạn			
3. Đảm bảo các yêu cầu về chính tả, ngữ pháp diễn đạt.			

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả

- GV nhận xét, nhấn mạnh kỹ năng tìm điền tích, điền cố trong sách, báo (hoặc trên Internet); từ nội dung đó vận dụng ý nghĩa vào cuộc sống qua cách viết đoạn văn :

- + Xác định nội dung chính của đoạn văn.
- + Phát triển đoạn bằng một số câu văn, có sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.
- + Đảm bảo không sai về chính tả, ngữ pháp diễn đạt trong sáng.

GV khuyến khích HS về tìm điền tích, điền cố trong *Truyện Kiều* và tác phẩm văn học trung đại và ghi chép vào *Sổ tay văn học*.

PHỤ LỤC

TÁI ÔNG THẤT MÃ

Ngày xưa, gần Trường Thành, có nhà Tái Ông nọ nuôi một con ngựa. Một hôm, con trai ông đi chăn ngựa, do không chú ý nên đã để nó chạy sang đất Hồ.

Hàng xóm nghe tin đều đến an ủi, ông nói: “Cảm ơn mọi người. Tôi thấy con ngựa này mất đi, nói không chừng sẽ mang về vận may đấy!”

Quả thật mấy tháng sau, không những con ngựa của ông đã quay trở lại mà còn dẫn về thêm một con ngựa khác. Hàng xóm nghe tin, vội kéo đến chúc mừng hai cha con ông. Tái Ông mỉm cười: “Cảm ơn bà con. Nhưng có thêm một con ngựa nữa không ắt hẳn là việc tốt, biết đâu con ngựa này sẽ mang đến tai họa cũng nên”.

Quả đúng như lời ông nói, một hôm khi đưa con trai cười con ngựa lạ ấy thì nó đã hất con ông ngã xuống đất gãy chân. Hàng xóm lại đến thăm hỏi, Tái Ông nói: “Cảm ơn sự quan tâm của các bác, lần này tuy con tôi không may bị ngã gãy chân, nhưng biết đâu trong họa có phúc cũng nên”.

Một năm sau, người Hồ kéo quân đến chiếm thành, tất cả thanh niên trong làng đều phải đi đánh giặc và đều bị người Hồ giết chết. Con trai của Tái Ông nhân vì bị gãy chân không đi đánh giặc được, nên đã thoát khỏi nạn kiếp này, bảo toàn được tính mạng.

Từ câu chuyện đã trở thành câu thành ngữ “Tái Ông mất ngựa” dùng để chỉ cho sự việc tuy tạm thời bị tổn thất, nhưng sau đó lại được điều tốt. Hay nói khác hơn là nhân họa được phúc vậy. Quả là “Trong họa có phúc!”, “Trong phúc có họa”. Muôn sự thật khó lường. Sự đời thay đổi thất thường, hãy bình tĩnh chiêm nghiệm và suy xét. Mất ngựa, chưa hẳn đã là mất tất cả, chớ vội nản lòng, nhụt chí. Có khi: Sự mất mát lại là tiền đề của một điều may mắn. Ngược lại: cũng chớ vội vui mừng với may mắn trước mắt.

(Nhóm biên soạn sưu tầm)

* Tái Ông: tên một ông lão ở vùng biên giới, *thất mã*: mất ngựa.

- GV khuyến khích HS về tìm điển tích, điển cố trong *Truyện Kiều* và tác phẩm văn học trung đại và ghi chép vào *Sổ tay văn học*.

*** Hướng dẫn chuẩn bị bài sau:**

(1) Đọc trước phần Định hướng (SGK/45) và các bước hướng dẫn thực hành, cho biết điểm giống nhau và khác nhau của bài văn phân tích một tác phẩm văn học và bài văn phân tích một đoạn trích trong tác phẩm văn học.

(2) Đọc lại văn bản và xem lại nội dung đọc hiểu văn bản *Kiều ở lầu Ngưng Bích* (Trích *Truyện Kiều* – Nguyễn Du), thực hiện các nội dung của bước chuẩn bị như đã thực hiện ở bài viết phân tích một tác phẩm thơ (Bài 1).

Ngày soạn: 24/09/2024	Dạy	Ngày	16/10/2024	17/10/2024
		Tiết	5	4,5
		Lớp	9D	9D

TUẦN 6-TIẾT 22,23,24: VIẾT
PHÂN TÍCH MỘT ĐOẠN TRÍCH TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC
 (Thời gian thực hiện: 03 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Viết được bài phân tích một đoạn trích trong tác phẩm văn học.
- Triển khai được hệ thống luận điểm chặt chẽ; sử dụng lí lẽ, bằng chứng xác đáng từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết.

2. Năng lực

Năng lực chung

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học*: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Năng lực đặc thù

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Vận dụng vốn từ, ngôn ngữ trong việc tạo lập văn bản viết
 - Năng lực thẩm mĩ văn học: cảm thụ văn học....

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ , tích cực , trách nhiệm, tự giác học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, bài trình bày của HS.
2. Học liệu: SGK, sách tham khảo, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- a. *Mục tiêu*: Tạo tâm thế, hứng thú học tập, khơi gợi hiểu biết của học sinh về các tác phẩm Truyện thơ Nôm và kết nối vào bài học.

b. Nội dung: GV sử dụng KTDH trò chơi để yêu cầu HS xác định vị trí của các câu thơ trong các truyện thơ Nôm đã học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV nêu yêu cầu: Đọc những câu thơ sau và dự đoán xem chúng thuộc phần nào trong các truyện thơ Nôm đã học:

+ Gặp gỡ và đính ước – Gia biến và lưu lạc – Đoàn tụ trong Truyện Kiều;

+ Gặp gỡ – Lưu lạc – Đoàn tụ trong Truyện Lục Vân Tiên.

- HS đọc các câu thơ được chiếu trên màn hình và thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.

- GV bốc thẻ tên ngẫu nhiên để chọn HS trả lời câu hỏi.

- GV nhận xét, tổng hợp, khen ngợi quá trình và kết quả tham gia trò chơi của HS.

MỘT SỐ CÂU THƠ TRONG TRÒ CHƠI

Câu 1.

Vàng trắng vàng vặc giữa trời

Đinh ninh hai mặt một lời song song.

Tóc tơ căn vặn tấc lòng

Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương.

(Đáp án: Phần 1, Gặp gỡ và đính ước – Truyện Kiều.)

Câu 2.

Để lời thệ hải minh sơn,

Làm con trước phải đền ơn sinh thành.

Quyết tình nàng mới hạ tình:

Dễ cho dễ thiếp bán mình chuộc cha !

(Đáp án: Phần 2, Gia biến và lưu lạc – Truyện Kiều.)

Câu 3.

Xót người tựa cửa hôm mai,

Quạt nồng ấp lạnh, những ai đó giờ ?

Sân Lai cách mấy nắng mưa,

Có khi gốc tử đã vừa người ôm?

(Đáp án: Phần 2, Gia biến và lưu lạc – Truyện Kiều.)

Câu 4.

Ba sinh đã phỉ mũi nguyên

Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy.

(Đáp án: Phần 3, Đoàn tụ – Truyện Kiều.)

Câu 5.

Vân tiên tả đột hữu xông

Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang

Lâu la bốn phía vỡ tan

Đều quăng gươm giáo tìm đàng chạy ngay

(Đáp án: Phần 1, Gặp gỡ – Truyện Lục Vân Tiên.)

Câu 6.

Công rằng: “Con dốt xuống thi,

Sao không kết bạn mà đi tựu trường?

Gần đây có một họ Vương,

Tên là Tử Trục văn chương tốt đời”

(Đáp án: Phần 1, Gặp gỡ – Truyện Lục Vân Tiên.)

Câu 7.

Vân Tiên vừa bước chân ra,

Bỗng đâu xảy gặp tin nhà gửi thơ.

Khai phong mới tỏ sự cơ,

Mình gieo xuống đất dật dờ hôn hoa.

(Đáp án: Phần 2, Lưu lạc – Truyện Lục Vân Tiên.)

Câu 8.

Trạng nguyên về tới Đông Thành,

Lục ông trước đã xây dinh ở làng.

Bày ra sáu lễ sẵn sàng,

Các quan đi họ cưới nàng Nguyệt Nga.

(Đáp án: Phần 3, Đoàn tụ – Lục Vân Tiên.)

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được đặc điểm của kiểu bài phân tích một đoạn trích tác phẩm văn học (truyện thơ Nôm).

- Hiểu được yêu cầu, quy trình viết bài văn nghị luận phân tích một đoạn trích tác phẩm văn học (truyện thơ Nôm).

- So sánh cấu trúc của bài văn phân tích một đoạn trích trong tác phẩm văn học với bài văn phân tích một tác phẩm văn học.

- Biết kỹ năng phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mỹ của nó.

b. Nội dung: GV sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi và think – pair – share hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu viết bài văn phân tích một đoạn trích tác phẩm văn học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm dự kiến
<p>- GV yêu cầu HS làm việc nhóm cặp theo kỹ thuật think – pair – share trả lời các câu hỏi sau:</p> <p><i>(1) Để viết bài văn phân tích một đoạn trích trong tác phẩm văn học, chúng ta cần chú ý điều gì? Vì sao chúng ta phải thực hiện những yêu cầu đó?</i></p> <p><i>(2) Cho biết điểm giống nhau và khác nhau của bài văn phân tích một tác phẩm văn học và bài văn phân tích một đoạn trích trong tác phẩm văn học.</i></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.</p> <p>- GV gọi 2 - 3 HS trả lời câu hỏi (1), chia sẻ từng yêu cầu và lí giải vì sao cần thực hiện những yêu cầu đó; 1 – 2 HS trả lời câu hỏi (2); những HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung, góp ý.</p> <p>- GV tổng hợp và đưa ra định hướng cụ thể; đồng thời khắc sâu tầm quan trọng của những yêu cầu và những điểm cần lưu ý khi viết bài văn phân tích một đoạn trích trong tác phẩm văn học.</p>	<p>I. Định hướng</p> <p>1. Lưu ý</p> <p>- Đọc kĩ đoạn trích, chú ý các đặc điểm của thể loại truyện thơ Nôm và xác định rõ vị trí đoạn trích trong tác phẩm.</p> <p>- Xác định nội dung và các yếu tố hình thức nghệ thuật nổi bật của đoạn trích, chỉ ra mối quan hệ giữa hình thức và nội dung; từ đó, làm rõ giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung chủ đề của tác phẩm.</p> <p>- Xác định luận đề và các luận điểm trong bài viết, lựa chọn bằng chứng từ đoạn trích cho mỗi luận điểm.</p> <p>- Suy nghĩ, nhận xét về ý nghĩa, giá trị và sự tác động của đoạn trích, tác phẩm đối với người đọc cũng như bản thân mình.</p> <p>- Thực hiện các bước viết bài nghị luận theo quy trình 4 bước: chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý, viết, kiểm tra và chỉnh sửa.</p> <p>2. So sánh</p> <p>- Giống nhau: Cấu trúc bài văn và cách phân tích (đi từ các tín hiệu nghệ thuật đến khám phá nội dung).</p>

	<p>- Khác nhau: Khi phân tích đoạn trích cần chú ý:</p> <p>+ MB: Giới thiệu đoạn trích, nhận định khái quát nét đặc sắc về nghệ thuật, nội dung của đoạn trích.</p> <p>+ TB: Giới thiệu vị trí, tóm tắt sự việc trước đoạn trích trong tổng thể tác phẩm.</p> <p>+ KB: Khẳng định giá trị nghệ thuật, nội dung của đoạn trích đặt trong giá trị chung của tác phẩm.</p>
--	---

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- Thực hành quy trình (4 bước) để hình thành kỹ năng viết bài văn nghị luận phân tích một đoạn trích trong truyện thơ Nôm đảm bảo các yêu cầu về hình thức, nội dung.

- Rèn luyện kỹ năng viết: Phân tích văn học.

b. Nội dung: GV sử dụng PPDH nêu vấn đề, dạy học theo nhóm, dạy học cá nhân để hướng dẫn HS thực hành viết bài văn phân tích một đoạn trích trong tác phẩm văn học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm dự kiến
<p>II. Thực hành</p> <p>* HD1: Kiểm tra việc chuẩn bị bài ở nhà của HS</p> <p>- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài ở nhà của HS, hướng dẫn HS thực hành kỹ thuật bề cá trao đổi, chia sẻ nội dung chuẩn bị:</p> <p>+ Nhóm trung tâm gồm 4 HS (những HS có nội dung chuẩn bị tốt và chu đáo, có thể là nhóm chuyên gia trong lớp học) tiến hành trao đổi, hỏi đáp, chia sẻ các thông tin đã chuẩn bị được cho bài viết.</p> <p>+ HS còn lại ở vòng ngoài, ngồi theo vòng tròn, quan sát, lắng nghe, ghi chép, bổ sung những thông tin, nội dung tốt của bạn vào phần chuẩn bị của mình.</p> <p>- HS hình thành nhóm trung tâm và nhóm quan sát, thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.</p>	<p>II. Thực hành</p> <p>1. Bài tập: Phân tích đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” (trích Truyện Kiều – Nguyễn Du).</p> <p><i>a. Bước 1: Chuẩn bị (HS thực hiện ở nhà)</i></p>

<p>- GV gọi 1 số HS ở vòng trong và 1 số HS vòng ngoài chia sẻ những thông tin hay, tốt, những điều tâm đắc của mình sau hoạt động.</p> <p>- GV nhận xét, khen ngợi kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS; lưu ý HS về tầm quan trọng của bước chuẩn bị trong quá trình viết bài văn phân tích một đoạn trích trong tác phẩm văn học.</p> <p>* HD2: <i>Tìm ý và lập dàn ý</i></p> <p>Bước 1. Chuyển giao NV</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, dựa vào các nội dung đã chuẩn bị, ghi chép được từ phần chuẩn bị, thực hành tìm ý và lập dàn ý vào PHT số 1.</p>	<p><i>b. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý</i></p>
--	---

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1			
Lập dàn ý phân tích đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” – Nguyễn Du			
Yêu cầu		Nội dung	
		Dẫn chứng	Phân tích
Mở bài	- Dẫn dắt, giới thiệu tác giả, tác phẩm		
	- Giới thiệu khái quát vị trí, khái quát nét đặc sắc của đoạn trích.		
Thân bài	- Nêu tóm tắt sự việc trước đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” và cảm hứng chủ đạo của đoạn trích này.		
	- Phân tích những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật để làm nổi bật chủ đề bài thơ:		
	+ Luận điểm 1: Nghệ thuật tả cảnh		
	+ Luận điểm 2: Nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật		

	+ Luận điểm 3: Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình			
	- So sánh với các phân khác của tác phẩm và các tác phẩm khác viết về cùng đề tài, chủ đề.			
Kết bài	- Khẳng định lại giá trị của đoạn trích. - Nêu những suy nghĩ, cảm xúc của em về đặc sắc nội dung, nghệ thuật của đoạn trích.			

Bước 2. Thực hiện NV

- HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.
- GV gọi 1 – 2 HS chiếu và trình bày dàn ý; tổ chức cho cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung cho dàn ý của bạn.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả

- GV nhận xét, tổng hợp ý kiến, đưa ra những định hướng và gợi ý hoàn thiện dàn ý của HS.

* Dự kiến sản phẩm:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Lập dàn ý phân tích đoạn trích “*Kiều ở lầu Ngưng Bích*” – Nguyễn Du

Yêu cầu		Nội dung		
		Dẫn chứng	Phân tích	So sánh, mở rộng
Mở bài	- Dẫn dắt, giới thiệu tác giả, tác phẩm.	- Vận dụng các cách dẫn dắt trực tiếp, gián tiếp. - Truyện Kiều.		

		- Nguyễn Du.	
	- Giới thiệu khái quát vị trí, đặc sắc nghệ thuật và nội dung chính của đoạn trích.	- Đoạn trích nằm ở phần 2 của tác phẩm: Gia biến và lưu lạc. - Đặc sắc nghệ thuật: Bút pháp tả cảnh ngụ tình, miêu tả nội tâm nhân vật. - Nội dung chính: cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Thúy Kiều.	
Thân bài	- Nêu tóm tắt sự việc trước đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” và cảm hứng chủ đạo của đoạn trích này.	Sau khi bị Mã Giám Sinh làm nhục, biết mình bị lừa bán vào lầu xanh, Kiều liều mình tự vẫn. Mụ chủ nhà chứa sợ mất “cả vốn lẫn lời” nên đã vờ hứa hẹn sẽ gả chồng cho Kiều, rồi đưa nàng ra ở lầu Ngưng Bích để kén chồng nhưng thực chất là giam lỏng và chuẩn bị thực hiện âm mưu bắt nàng phải tiếp khách làng chơi.	
- Phân tích những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật để làm nổi bật chủ đề đoạn trích:			
+ Luận điểm 1: Nghệ thuật tả cảnh	6 câu đầu	- Không gian: <i>lầu Ngưng Bích</i> ; nghệ thuật ước lệ và thủ pháp đối xứng <i>non xa - trăng gần, còn nọ - dặm kia</i> , → nghệ thuật ước lệ và thủ pháp đối xứng làm nổi bật sự xa lạ, tĩnh mịch, lạnh lẽo, có cảm giác như đang bủa vây người con gái cô độc. - Thời gian: <i>mây sớm, đèn khuya</i> → thời gian tuần hoàn theo quy luật, lặp đi lặp lại từ ngày này sang ngày khác, kéo dài trong vô tận. - Hình ảnh: <i>cát vàng, bụi hồng</i> → không gian xuất hiện màu sắc tươi tắn, nhưng lại ở xa (nọ, kia) → mong manh, mờ nhạt, thấp thoáng → càng làm nổi bật sự nhỏ bé, đơn độc của Kiều.	
+ Luận điểm 2: Nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật	8 câu tiếp	- Nghệ thuật lựa chọn ngôn từ: + <i>Trông</i> : không chỉ là nỗi nhớ, nó còn là sự hình dung, tưởng tượng, là sự đồng hiện giữa quá khứ với hiện tại, cảnh cũ, người	

			<p>xưa dường như đang hiển hiện rõ mồn một trước mắt nàng.</p> <p>+ <i>rày trông mai chờ, bơ vơ, tấm son</i>: nỗi xót thương thân mình lòng trong tấm chân tình, lòng chung thủy, nỗi băn khoăn, trăn trở, sự ân hận của Kiều với chàng Kim.</p> <p>+ <i>Xót</i>: xót xa ruột rà, nỗi lo lắng, thương cha xót mẹ được cụ thể hóa thành nỗi đau có thể cảm nhận được trong gan ruột.</p> <p>+ <i>Điển cố, điển tích: quạt nồng ấp lạnh, sân Lai, gốc tử</i> → nói hộ lòng hiếu thảo của Kiều nơi phương xa một lòng nghĩ đến cha mẹ tuổi già nơi quê nhà.</p> <p>- Bút pháp miêu tả nội tâm nhân vật: trình tự của nỗi nhớ thương (chàng Kim → cha mẹ); sử dụng từ láy, từ ngữ trực tiếp bộc lộ cảm xúc và các điển cố điển tích → nổi bật vẻ đẹp tâm hồn của Kiều.</p>	
<p>+ Luận điểm 3: Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình</p>	<p>8 câu cuối</p>	<p>- Cặp 1</p>	<p>- Biện pháp điệp ngữ: <i>buồn trông</i> lặp lại 4 lần ở 4 cặp câu lục bát:</p> <p>+ <i>Trông</i>: cái nhìn vừa xa xăm, vừa trông ngóng, đợi chờ.</p> <p>+ <i>Buồn trông</i>: nỗi buồn nhuốm trong cái nhìn, bao trùm, chủ đạo cái nhìn của Kiều.</p> <p>→ điệp khúc cho tâm trạng, cho nỗi buồn của Kiều.</p> <p>+ Thời gian: <i>chiều hôm</i> → lúc tàn của ngày, thường gợi tâm trạng cô đơn, nỗi buồn, nỗi nhớ</p>	

		<p>nhà, nhớ quê cho những người tha hương.</p> <p>+ Không gian: <i>cửa bể</i> → rộng lớn, phía xa, hướng về bến bờ, gia đình, quê hương.</p> <p>+ Hình ảnh: <i>thuyền</i> - thấp thoáng ẩn hiện, <i>cánh buồm</i> - xa xa → nhỏ bé, vô định, không thể đến gần được.</p> <p>- Cặp 2</p> <p>+ Không gian: <i>ngọn nước mới sa</i>: dòng nước đổ từ trên cao xuống như ngọn thác, chân thác là dòng nước xoáy sục sôi, tung bọt trắng xóa → dòng đời đầy hiểm nguy, bất trắc.</p> <p>+ Hình ảnh: <i>hoa trôi man mác</i>: cánh hoa mỏng manh, bị dòng nước cuốn trôi → thân phận người con gái hồng nhan, bạc phận, như Kiều đang bơ vơ, chấp chới, chìm nổi giữa dòng đời xô đẩy, vùi dập. + Câu hỏi tu từ “<i>biết là về đâu</i>”: tâm trạng hoang mang, lo lắng, bất an về một tương lai mù mịt, bấp bênh, vô định.</p> <p>+ Không gian, hình ảnh: <i>nội cỏ rầu rầu, chân mây mặt đất một màu xanh xanh</i> → cánh đồng cỏ mang sắc “rầu rầu”, có phần u buồn, héo úa, tiêu điều, màu xanh bao trùm khắp bầu trời, mặt đất cũng nhạt phai, âm đạm → cảnh sắc thiên nhiên chứa đầy tâm trạng buồn bã, bơ vơ, tuyệt vọng của Kiều.</p> <p>- Cặp 3</p> <p>+ Không gian: <i>mặt duềnh</i>: gió thổi ngày đêm không nghỉ làm nên những cơn sóng dữ.</p>	
--	--	--	--

		<p>- Cặp 4</p>	<p>+ Hình ảnh: “âm âm tiếng sóng” diễn tả rất chân thực, rõ nét hình ảnh và âm thanh dữ dội, đe dọa đáng sợ của những cơn sóng lớn ập đến “quanh ghé ngòi” của Kiều. → dự cảm về những tai họa sắp xảy đến với cuộc đời mình.</p>	
	<p>- So sánh, mở rộng với các phần khác của tác phẩm và các tác phẩm khác.</p>	<p>Ví dụ, so sánh ở cấp độ đề tài, chủ đề về thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa:</p> <p>- Trong Truyện Kiều: <i>Trăm năm trong cõi... ghét nhau; Lạ gì bỉ sắc... đánh ghen; ...</i></p> <p>- Trong các tác phẩm khác: <i>Bánh trôi nước</i> - Hồ Xuân Hương, <i>Chinh phụ ngâm khúc</i> – Đặng Trần Côn,...</p> <p>-</p>		
<p>Kết bài</p>	<p>- Khẳng định lại giá trị của đoạn trích.</p> <p>- Nêu những suy nghĩ, cảm xúc của em về đặc sắc nội dung, nghệ thuật của đoạn trích.</p>	<p>- Bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình và nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật tài tình, Nguyễn Du đã miêu tả thành công tâm trạng, nỗi cô đơn, lo lắng, buồn tủi và tấm lòng hiếu thảo, thủy chung son sắt của nàng Kiều khi ở lầu Ngưng Bích.</p> <p>- Sự cảm thông với Kiều, với thân phận người phụ nữ tài hoa bạc mệnh trong xã hội phong kiến/ngưỡng mộ tài năng, tấm lòng nhân đạo của tác giả.</p>		
<p>* HD3: Viết</p> <p>- GV hướng dẫn và yêu cầu HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ sau:</p> <p>(1) Ở trên lớp:</p> <p>+ GV hướng dẫn HS viết các đoạn MB; đoạn tóm tắt sự việc trước đoạn trích; lựa chọn và viết đoạn phân tích 1 luận điểm trong phần TB dựa trên dàn ý chi tiết đã xây dựng.</p> <p>+ HS đọc lập thực hiện lần lượt các nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.</p> <p>+ GV gọi 2 – 3 HS bất kì chiếu, trình bày đoạn văn và tổ chức chữa chung (chữa mẫu); sau đó yêu cầu HS chữa chéo bài tập theo nhóm bàn.</p>		<p>c. Bước 3: Viết</p> <p>* Trên lớp:</p> <p>- Viết đoạn mở bài.</p> <p>- Viết đoạn tóm tắt sự việc trước đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” và cảm hứng chủ đạo của đoạn trích.</p> <p>- Viết đoạn phân tích một luận điểm chính trong phần thân bài.</p> <p>* Về nhà:</p> <p>- Hoàn thiện bài viết theo dàn ý.</p>		

<p>- GV nhận xét, đánh giá chung nhưng ưu điểm, hạn chế trong phân tích tác dụng của các yếu tố hình thức thơ.</p> <p>(2) Yêu cầu HS hoàn thiện bài viết ở nhà.</p>	
<p>* <i>HD4: Kiểm tra và chỉnh sửa</i></p> <p>- GV tổ chức cho HS tự đánh giá bài viết (đã hoàn thiện ở nhà) theo các tiêu chí cụ thể trong bảng kiểm; chọn một số bài viết tốt hoặc những bài viết có lỗi thường gặp để tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá trước lớp.</p>	<p><i>d. Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa</i></p>

<p>BẢNG KIỂM</p>					
<p>Bài văn phân tích một đoạn trích trong tác phẩm văn học</p>					
<p>Tiêu chí</p>		<p>Đạt</p>	<p>Chưa đạt</p>	<p>Đánh giá/dự kiến chỉnh sửa</p>	
<p>Nội dung</p>	<p>Mở bài</p>	<p>Giới thiệu tác giả, tác phẩm</p>			
		<p>Khái quát chung về vị trí, đặc sắc nghệ thuật và nội dung chính của đoạn trích</p>			
	<p>Thân bài</p>	<p>Tóm tắt sự việc trước đoạn trích và cảm hứng chủ đạo của đoạn trích.</p>			
		<p>Triển khai các luận điểm hợp lí, logic</p>			
		<p>Lựa chọn, phân tích đặc sắc về nghệ thuật để làm rõ nội dung chủ đề của đoạn trích.</p>			
		<p>Kết hợp có hiệu quả các phương thức biểu đạt và thao tác khác trong bài văn nghị luận (kết hợp phân tích với giải thích, chứng minh, so sánh, biểu cảm,...).</p>			
	<p>Nêu được những suy nghĩ, cảm xúc riêng về giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn trích.</p>				
	<p>Kết bài</p>	<p>Đánh giá khái quát, tổng hợp vấn đề</p>			
		<p>Cảm nghĩ, ấn tượng của bản thân</p>			

Hình thức		Bố cục 3 phần, độ dài các phần cân đối			
		Chính tả			
		Ngữ pháp			
		Trình bày			
Đánh giá chung	Quá trình thực hành	Bài viết đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về hình thức và nội dung ở mức độ nào? (Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt)			
		Em thấy thuận lợi hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào trong khi thực hành viết? Vì sao? Em có giải pháp nào để phát huy, cải thiện nó?			
		Thành công nhất của bài viết là gì?			
<p>- HS độc lập thực hiện tự đánh giá bài viết theo hướng dẫn.</p> <p>- GV lựa chọn và gọi một số HS chiếu và trình bày bài viết, kết quả tự đánh giá của mình; HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá bài viết của bạn theo các tiêu chí trong bảng kiểm.</p> <p>- GV tổng kết, lưu ý HS những yêu cầu của bài văn phân tích một đoạn trích trong tác phẩm văn học.</p>					
<p><i>* HD5: Chia sẻ kỹ năng, kinh nghiệm thực hành viết bài văn phân tích một đoạn trích trong tác phẩm văn học theo quy trình</i></p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, nhìn lại quá trình thực hành viết, chia sẻ những yêu cầu, kỹ năng, kinh nghiệm trong việc thực hiện quy trình viết bài văn phân tích một đoạn trích trong tác phẩm văn học.</p> <p>- HS hình thành nhóm, chia sẻ theo hướng dẫn của GV.</p> <p>- GV gọi một số HS chia sẻ những yêu cầu, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân và các thành viên trong nhóm.</p>			<p>2. Lưu ý khi thực hiện quy trình viết bài văn phân tích một đoạn trích trong tác phẩm văn học</p> <p>- Chuẩn bị: chính là đọc hiểu đoạn trích, khám phá những giá trị nghệ thuật và nội dung của đoạn trích.</p> <p>- Tìm ý và lập dàn ý: tư duy xây dựng luận điểm, sắp xếp hệ thống lí lẽ, bằng chứng cho bài viết.</p> <p>- Viết: vận dụng các thao tác trong viết và rèn luyện cách diễn đạt khi phân tích truyện thơ Nôm.</p>		

<p>- GV tổng kết, chốt lại những lưu ý quan trọng khi thực hiện quy trình viết bài văn phân tích một đoạn trích trong tác phẩm văn học.</p>	<p>- Kiểm tra: tự đánh giá, đánh giá chéo và đánh giá quá trình thực hành viết của bản thân và người khác.</p>
<p>* HD1: <i>Tìm hiểu cách thức thực hành kỹ năng so sánh trong phân tích thơ</i></p> <p>Bước 1. Chuyển giao NV</p> <p>- GV nêu yêu cầu: Đọc phần 3a (SGK/47) và cho biết phân tích văn học là gì? Quá trình phân tích văn học chúng ta cần chú ý điều gì?</p> <p>Bước 2. Thực hiện NV</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.</p> <p>- GV gọi 2 HS trình bày câu trả lời; HS còn lại nhận xét, bổ sung cho bạn.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động</p> <p>- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.</p> <p>- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <p>- GV nhận xét, chốt kiến thức và chú ý quan trọng khi thực hành kỹ năng phân tích tác phẩm văn học.</p> <p>* HD2: <i>Thực hành viết phân tích một đoạn thơ trong các văn bản đã học</i></p> <p>Bước 1. Chuyển giao NV</p> <p>- GV chiếu yêu cầu: Phân tích một đoạn trích mà em thích trong các văn bản đã được học (Truyện Kiều, Truyện Lục Vân Tiên).</p> <p>Bước 2. Thực hiện NV</p> <p>- HS thực hành viết bài vào vở ghi.</p> <p>- GV gọi 2 - 3 HS chiếu và trình bày đoạn văn; HS còn lại nhận xét, góp ý, bổ sung cho phần viết của bạn.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động</p>	<p>3. Rèn luyện kỹ năng viết: phân tích văn học</p> <p>a. Cách thức:</p> <p>- Chia tách tác phẩm văn học thành nhiều phần, xem xét từ nhiều bình diện (nội dung, nghệ thuật) → chỉ ra giá trị (cái hay, cái đẹp, ý nghĩa và tác dụng) của tác phẩm.</p> <p>- Phân tích văn học luôn phải có sự gắn kết chặt chẽ giữa nội dung và hình thức, thể hiện bằng việc nhận ra các yếu tố nghệ thuật đặc sắc và chỉ ra tác dụng của chúng trong việc thể hiện nội dung tác phẩm.</p> <p>b. Bài tập:</p> <p>Phân tích một đoạn trích em thích trong các văn bản đã được học.</p>

- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả

- GV nhận xét, ghi nhận và rút kinh nghiệm cho HS trong quá trình thực hành thao tác phân tích tác phẩm văn học.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS vận dụng viết bài văn nghị luận phân tích một đoạn trích trong tác phẩm văn học trên một ngữ liệu mới.

b. Nội dung: GV sử dụng PPDH nêu vấn đề để hướng dẫn HS thực hành kỹ năng viết bài văn phân tích một đoạn trích trong tác phẩm văn học.

c. Sản phẩm: Bài viết cá nhân của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giao đề bài, yêu cầu HS hoàn thiện bài viết ở nhà:

Đề bài: Phân tích đoạn trích “Mã Giám Sinh mua Kiều” (trích Truyện Kiều – Nguyễn Du).

Gần miền có một mụ nào,

Đưa người viễn khách tìm vào vấn danh¹.

Hỏi tên, rằng: “Mã Giám Sinh²”,

Hỏi quê, rằng: “Huyện Lâm Thanh cũng gần”.

Quá niên trạc ngoại tứ tuần,³

Mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao.

Trước thầy sau tớ lao xao,

Nhà băng đưa mối rước vào lầu trang.

Ghé trên ngai tốt số sàng,

Buồng trong mối đã giục nàng kíp ra.

Nỗi mình thêm tức nỗi nhà,

Thềm hoa một bước lệ hoa mấy hàng!

Ngại ngừng dọn gió⁴ e sương,

Ngừng⁵ hoa bóng thẹn trông gương mặt dày.
 Mối càng vén tóc bắt tay,
 Nét buồn như cúc điệu gầy như mai⁶.
 Dẫn đo cân sắc cân tài,
 Ép cung cầm nguyệt thử bài quạt thơ⁷.
 Mặn nồng một vẻ một ưa,
 Bằng lòng khách mới tùy cơ dặt diu.
 Rằng: “Mua ngọc đến Lam Kiều⁸,
 Sinh nghi⁹ xin dạy bao nhiêu cho tường?”
 Mối rằng: “Đáng giá nghìn vàng,
 Dớp nhà¹⁰ nhờ lượng người thương dám nài!”
 Cò kè bớt một thêm hai
 Giờ lâu ngã giá vâng¹¹ ngoài bốn trăm.

(Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2020)

* *Vị trí đoạn trích*: Đoạn trích nằm ở đầu phần thứ 2 (*Gia biến và lưu lạc*). Sau khi gia đình Kiều bị vu oan, Kiều quyết định bán mình để lấy tiền cứu cha và gia đình khỏi tai họa. Đoạn này nói về việc Mã Giám Sinh đến mua Kiều.

(1) *Viễn khách*: khách ở xa đến. *Vấn danh*: trong tục lệ hôn nhân ngày xưa, khi hai họ đã ưng thuận thì nhà trai phải tiến hành một loạt nghi lễ cho đến khi làm lễ cưới. Một trong những lễ ấy là vấn danh, tức là lễ ăn hỏi. Trong lễ ăn hỏi, nhà gái phải cho biết rõ tên tuổi người con gái. Ở đây dùng với nghĩa rộng là hỏi xin cưới.

(2) *Mã Giám Sinh*: giám sinh họ Mã. *Giám sinh* là tên gọi học trò ở Quốc Tử Giám, trường lớn ở kinh đô thời xưa. *Giám sinh* cũng có khi chỉ chức giám sinh người ta mua của triều đình.

(3) *Tứ tuần*: Bốn mươi tuổi. Ý câu thơ: người đã đứng tuổi, hơn bốn mươi.

(5) *Dợn gió*: có cảm giác sợ gió, ngại gió.

(5) *Ngừng* (tiếng cổ): nhìn, ngắm.

(6) Hai hình ảnh dùng để tả người phụ nữ đẹp lúc buồn rầu.

(7) *Ép cung cầm nguyệt*: ép gảy đàn; *thử bài quạt thơ*: thử tài làm thơ của Kiều khi yêu cầu nàng đề thơ trên quạt.

(8) *Mua ngọc đến Lam Kiều*: Lam Kiều là tên một cái cầu ở huyện Lam Điền, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc. Huyện Lam Điền là nơi sản xuất ngọc quý. Câu này ý nói: đến đây cốt để mua được người đẹp.

(9) *Sính nghi*: đồ dẫn cưới. Theo tục lệ cũ, nhà gái buộc nhà trai phải đưa nhiều đồ lễ đến mới cho cưới, đồ lễ ấy gọi là đồ dẫn cưới.

(10) *Dóp nhà*: nhà gập vụn đen, nhà đang mắc gian truân.

(11) Chữ này, Đào Duy Anh trong quyển *Từ điển Truyện Kiều* (in lần thứ hai năm 1989) ở phần mục từ và phần văn bản đều in là *vàng*. Phần lớn các bản Kiều Nôm và các bản quốc ngữ cũng chép là *vàng*. Tuy nhiên, cũng có bản chép là *vàng*.

- HS hoàn thiện bài viết ở nhà theo yêu cầu của GV.

- GV yêu cầu HS nộp bài lên padlet/facebook lớp học.

- Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá và chấm điểm cho bài viết của bạn trên trang padlet/facebook lớp học.

*** Hướng dẫn chuẩn bị bài sau: Nói và nghe**

- Tìm hiểu các nội dung trong phần định hướng Nói và nghe (SGK/27)

- Hoàn thiện các nội dung trong bảng sau để theo dõi, đối chiếu phần trình bày của bạn trên lớp, đưa ra ý kiến của cá nhân:

Vấn đề 1

Phần	Nội dung chính
Mở đầu	Nêu ý kiến: Nguyễn Du tả cảnh để ngụ tình.
Nội dung chính	- Ý kiến đó đúng hay sai? Vì sao? - Tả cảnh ngụ tình là gì? - Bút pháp Tả cảnh ngụ tình được thể hiện rõ qua đoạn trích “ <i>Kiều ở lầu Ngưng Bích</i> ” như thế nào? tác dụng?
Kết thúc	Khẳng định ý kiến đó là đúng hay là sai; đóng góp về nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm vào thành tựu văn học dân tộc.

Vấn đề 2

Phần	Nội dung chính
Mở đầu	Nêu ý kiến: Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu thể hiện rõ nét sắc thái của ngôn ngữ Nam Bộ.

Nội dung chính	<ul style="list-style-type: none">- Ý kiến đó đúng hay sai? Vì sao?- Ngôn ngữ Nam Bộ là gì?- Ngôn ngữ Nam Bộ được thể hiện rõ qua đoạn trích “<i>Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga</i>” như thế nào? tác dụng?
Kết thúc	Khẳng định ý kiến đó là đúng hay là sai; đóng góp về nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm vào thành tựu văn học dân tộc.

Ngày soạn: 24/09/2024	Dạy	Ngày	23/10 /2024
		Tiết	4,5
		Lớp	9D

TIẾT 25, 26: NÓI VÀ NGHE
NGHE VÀ NHẬN BIẾT TÍNH THUYẾT PHỤC CỦA MỘT Ý KIẾN
 (Thời gian thực hiện: 02 tiết)

I/Mục tiêu:**1. Kiến thức**

- Nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến; chỉ ra được những hạn chế (nếu có) như: lập luận thiếu lô gích, bằng chứng chưa đủ hoặc không liên quan đến luận điểm.

2. Năng lực**Năng lực chung**

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

- *Năng lực tự chủ và tự học*: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Năng lực đặc thù

- Nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến; chỉ ra được những hạn chế (nếu có) như: lập luận thiếu lô gích, bằng chứng chưa đủ hoặc không liên quan đến luận điểm.

3. Phẩm chất

- Biết tôn trọng những ý kiến riêng, góc nhìn riêng của mỗi người.

- Rèn luyện để đạt kết quả tốt trong hoạt động luyện tập nói và nghe.

II/Thiết bị và học liệu

1/Thiết bị: máy tính, máy chiếu,...

2/Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy,...

III/Tiến trình dạy học**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a. *Mục tiêu*: Kiểm tra kiến thức nền và sự chuẩn bị của HS của HS về kiểu bài nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

b. *Nội dung*: GV sử dụng kĩ trò chơi để huy động kiến thức nền, hiểu biết của HS về kĩ năng nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

c. *Sản phẩm*: Câu trả lời của HS.

d. *Tổ chức thực hiện*:

- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “*Vượt chướng ngại vật*”:

+ Trò chơi gồm có 5 câu hỏi liên quan đến kiến thức và kĩ năng của kiểu bài nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến. HS trả lời đúng 1 câu hỏi sẽ vượt qua được 1 chướng ngại vật tương ứng.

+ HS bắt thăm (hoặc giơ tay) để tham gia trò chơi.

+ Trong vòng 10 giây phải trả lời đáp án của câu hỏi đó, nếu trả lời sai hoặc không trả lời được, phải nhường quyền trả lời cho bạn khác.

+ Kết thúc trò chơi, HS nào vượt qua được nhiều chướng ngại vật nhất sẽ là người chiến thắng.

CÂU HỎI

Câu 1: Trước khi nghe, chúng ta cần chuẩn bị nội dung và phương tiện gì?

Đáp án:

- Nội dung: Tìm hiểu trước ý kiến người nói sẽ trình bày; dự kiến cách trình bày theo hướng nào để thuyết phục nhất.

- Phương tiện cần thiết để ghi chép những thông tin do người nói trình bày (giấy, bút, sơ đồ trống...)

Câu 2: Để phát hiện và ghi chép được ngay vấn đề chính của bài nói, người nghe cần chú ý phần nào?

Đáp án: Phần mở đầu

Câu 3: Để thấy được tính thuyết phục của ý kiến trong bài nói, người nghe cần ghi chép những nội dung cơ bản nào?

Đáp án: Ghi lại hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng.

Câu 4: Với những nội dung chưa rõ trong bài nói, người nghe cần làm gì?

Đáp án: Đưa ra câu hỏi, trao đổi cùng người nói.

Câu 5: Ngoài việc đánh giá bài nói ở nội dung và cách thức triển khai vấn đề, người nghe còn phải đánh giá kĩ năng nào nữa của người nói?

Đáp án: Thái độ và yếu tố phi ngôn ngữ khi trình bày.

- HS chuẩn bị tham gia trò chơi.
- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi và xử lí tình huống (nếu có).
- GV chốt những lưu ý, tuyên dương HS giành phần thưởng và kết nối vào bài học.

(Ví dụ: Trong phần trò chơi các em vừa tham gia, chúng ta đã nhắc lại một số kĩ năng cần thiết khi nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến. Để tiếp tục củng cố kĩ năng này, cô trò chúng ta cùng thực hành trong buổi học hôm nay...)

2. Hoạt động 2: Thực hành, vận dụng

- a. *Mục tiêu:* Thực hành nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.
- b. *Nội dung:* GV sử dụng KTDH động não để HS thực hành quy trình 4 bước nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.
- c. *Sản phẩm:* Câu trả lời của HS.
- d. *Tổ chức thực hiện*

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm dự kiến
<p>I. Định hướng</p> <p>II. Thực hành</p> <p>* <i>HĐ1:</i> Kiểm tra việc chuẩn bị kết quả thực hiện nhiệm vụ đã giao trước tiết học cho HS (Thực hiện phần chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý).</p> <p>Bước 1. Chuyển giao NV</p> <p>- GV yêu cầu HS nhắc lại các nhiệm vụ đã giao.</p> <p>Bước 2. Thực hiện NV</p> <p>- HS hình thành nhóm 4, trao đổi các nội dung đã chuẩn bị.</p> <p>- GV yêu cầu HS hoàn thiện bố cục bài nói và chọn cử một HS trình bày bài nói trước lớp.</p>	<p>I. Định hướng</p> <p>II. Thực hành</p> <p>Bài tập: Nghe và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến người nói về một trong hai vấn đề sau:</p> <p>(1) <i>Từ đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”, làm sáng tỏ ý kiến: Nguyễn Du tả cảnh là để ngụ tình.</i></p> <p>(2) <i>Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu thể hiện rõ nét sắc thái của ngôn ngữ Nam Bộ. Hãy làm rõ ý kiến đó qua đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga”</i></p> <p>* Bước 1: Chuẩn bị</p> <p>- Chuẩn bị (ở nhà) ý kiến cá nhân về vấn đề trong bài tập nêu ở trên để thảo luận, thống nhất nội dung trình bày trong nhóm.</p> <p>- Nhớ lại kĩ thuật nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến; những điều cần khắc phục khi trình bày để người nghe nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến tốt nhất.</p> <p>- Chuẩn bị giấy, bút.</p> <p>* Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý</p>

<p>- GV tổ chức cho một HS trình bày bài nói và yêu cầu các HS khác còn lại thực hiện kỹ năng nghe.</p> <p>Bước 2. Thực hiện NV</p> <p>- HS nghe, ghi chép nội dung chính, nội dung cần hỏi lại. Đôi bài ghi cho nhau và nhận xét, đánh giá kết quả ghi của bạn.</p> <p>- GV gọi một HS bất kỳ trình bày bài nghe đồng thời đưa ra nhận xét những ưu điểm, hạn chế của tính thuyết phục trong bài nói; HS khác đối chiếu với bài nghe của mình, đưa ra nhận xét, bổ sung; người nói lắng nghe, phản hồi.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động</p> <p>- GV mời đại diện HS trình bày kết quả.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <p>- GV tổng hợp ý kiến, đưa ra đánh giá chung về bài nói; nhận xét kỹ năng nghe và nhận biết của HS.</p> <p><i>* HD3: Kiểm tra, chỉnh sửa và phản hồi</i></p> <p>Bước 1. Chuyển giao NV</p> <p>- GV yêu cầu HS tham khảo phần kiểm tra, chỉnh sửa theo các nội dung SGK/Tr.28, 29.</p> <p>Bước 2. Thực hiện NV</p>	<p>+ Những lí lẽ và bằng chứng được người nói dẫn ra có thuyết phục và chính xác không?</p> <p>+ Cần bổ sung, chỉnh sửa như thế nào cho đúng và có sức thuyết phục hơn.</p> <p>* Bước 3: Nói và nghe</p> <p>- <i>Người nói:</i> trình bày ý kiến đã chuẩn bị</p> <p>- <i>Người nghe:</i></p> <p>+ Khích lệ người nói</p> <p>+ Theo dõi và ghi lại để nhận biết tính thuyết phục của ý kiến do người nói trình bày theo hệ thống ý ở trên: ý kiến có thuyết phục không? Vì sao? Những lí lẽ, bằng chứng dẫn ra có chính xác hay không?</p> <p>+ Ghi và hỏi người nói những điều chưa rõ.</p> <p>+ Cần bổ sung, chỉnh sửa như thế nào cho đúng và thuyết phục.</p> <p>+ Rút kinh nghiệm theo yêu cầu về kiểm tra, chỉnh sửa.</p> <p> </p> <p>* Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa và phản hồi</p>
---	--

<p>- HS độc lập thực hiện nội dung theo yêu cầu của GV.</p> <p>- GV gọi 2 HS nói và nghe chia sẻ; HS khác lắng nghe, bổ sung (nếu có).</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động</p> <p>- GV mời đại diện HS trình bày kết quả.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <p>- GV nhận xét, thống nhất kỹ năng nghe và nhấn mạnh tầm quan trọng kỹ năng nghe và tập nghe một ý kiến trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhận biết tính thuyết phục.</p>	Đối tượng	Tiêu chí kiểm tra	Chỉnh sửa và phản hồi
	Người nói	1. Rút kinh nghiệm gì về việc lựa chọn vấn đề trình bày, quá trình chuẩn bị, nội dung, cách thức và thái độ trình bày.	
		2. Tự đánh giá	
	Người nghe	- Phần em hài lòng: nội dung, hình thức, thái độ.	
		- Tính thuyết phục của bài nói ở đâu?	
		- Em muốn thay đổi điều gì.	
	1. Ghi chép đã chính xác chưa và được những gì?		
	2. Nhận xét về nội dung, hình thức, tính thuyết phục của bài trình bày		
	3. Điều em rút ra được từ bài trình bày của bạn.		

F. PHẦN TỰ ĐÁNH GIÁ

Gợi ý đáp án và trả lời các câu hỏi, bài tập trong SGK:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	B	C	C	A	D

Câu 6. Đoạn trích nằm ở phần Phần thứ hai: Lưu lạc của Truyện Lục Vân Tiên, kể việc khi vào trường thi, Vân Tiên nhận được tin mẹ mất, liền bỏ thi về quê chịu tang. Đọc đường về, Vân Tiên khóc mẹ, mù cả hai mắt, lại bị Trịnh Hâm lừa, đẩy xuống sông. Nhờ giao long dìu vào bờ, chàng được gia đình ông Ngư cứu mang, đùm bọc.

Câu 7. Tính cách và con người Trịnh Hâm thể hiện qua những chi tiết trong đoạn trích:

- Trong đêm tĩnh mịch, sao mờ, sương giăng, Trịnh Hâm đã lừa lúc mọi người không để ý, xô Vân Tiên xuống sông sâu. Rồi Trịnh Hâm giả bộ thương xót kêu mọi người dậy để nói việc Vân Tiên không may bị ngã xuống sông không kịp cứu.
- Trịnh Hâm là một kẻ mà tài năng và nhân cách đều thấp kém, luôn tìm cách hãm hại người khác vì ghen ghét, đố kỵ.

Câu 8. Trong đoạn trích, tấm lòng nhân hậu của vợ chồng ông Ngư được thể hiện qua các chi tiết: thấy Vân Tiên bị trôi trên sông, vội vớt lên ngay, gọi con vầy lửa sưởi ấm cho chàng. Khi Vân Tiên tỉnh dậy, ông Ngư liền hỏi han ngọn ngành rồi thấy chàng khó khăn liền mời ở lại cùng vợ chồng ông, đùm bọc lẫn nhau, sống cuộc đời tự do, phóng khoáng, vứt bỏ lợi danh. Họ là những người dân lao động làm việc nhân nghĩa một cách vô tư, không vụ lợi và sẵn sàng nhường cơm, sẻ áo cho người gặp hoạn nạn.

Câu 9. Qua đoạn trích, có thể thấy được thái độ, tình cảm của Nguyễn Đình Chiểu đối với người dân lao động: ông hết sức trân trọng họ, gửi gắm ở họ niềm tin vào tấm lòng trọng nghĩa khinh tài; cứu giúp người hoạn nạn một cách nghĩa hiệp, không cần sự báo đáp của họ.

Câu 10. Đoạn trích có nhiều yếu tố nội dung và nghệ thuật có giá trị, HS có thể lựa chọn và phân tích bất kỳ yếu tố nào. Tuy nhiên, cần phân tích được giá trị của yếu tố đó. Gợi ý một số yếu tố nội dung và nghệ thuật có thể lựa chọn:

- + Tình cảm của vợ chồng ông Ngư với Lục Vân Tiên.
- + Hình tượng ông Ngư trong đoạn trích Lục Vân Tiên gặp nạn.
- + Nghệ thuật sử dụng từ ngữ địa phương để tạo ấn tượng gần gũi trong đoạn trích.

*** Hướng dẫn chuẩn bị bài sau:**

Bài 3. Văn bản 1. Vịnh Hạ Long: một kì quan thiên nhiên

độc đáo và tuyệt mỹ

(1) Xem lại các đặc điểm của văn bản thông tin nói chung và tìm hiểu phần *Kiến thức Ngữ văn* về văn bản thông tin thuyết minh về một danh lam thắng cảnh nói riêng để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.

(2) Đọc kĩ các lưu ý trong phần 1. Chuẩn bị để định hướng các đọc hiểu văn bản thông tin thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

(3) Đọc trước văn bản *Vịnh Hạ Long: một kì quan thiên nhiên độc đáo và tuyệt mỹ* để xác định giọng đọc, những lưu ý khi đọc; đồng thời tìm hiểu các lệnh/câu hỏi phần chỉ dẫn đọc ở bên phải văn bản.

(4) Tìm hiểu thêm thông tin về vịnh Hạ Long; Chuẩn bị thông tin về một danh lam thắng cảnh mà em biết để giới thiệu với bạn cùng lớp.

(5) Đọc nội dung giới thiệu về toàn bộ tác phẩm Truyện Kiều trong phần 1. Chuẩn bị (SGK/Tr35) để hiểu thêm tác phẩm và các đoạn trích Truyện Kiều trong Bài 2.